

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 157/2024/ HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2024

V/v Ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Đỗ Thị Quyển**; Bà **Hoàng Thị Hiệp**.
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Hà** - Thư ký Toà án.
- *Đại diện Viện KSND huyện Q tham gia phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Cúc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2024/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1986;
- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987;

Đều ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội, đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 6 năm 2024, các tài liệu khác có trong hồ sơ và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:*

Tôi và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 22/11/2010 và đã đăng ký kết hôn tại UBND Đ. Trước khi cưới chúng tôi có quen biết nhau qua bạn anh trai tôi giới thiệu. Sau khi tìm hiểu khoảng 01 năm chúng tôi thấy hợp nhau nên quyết định tiến tới hôn nhân. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau luôn tại nhà chồng ở thôn Đ. Sau 01 năm, vợ chồng tôi chuyển ra ở riêng trên nhà đất bố mẹ chồng cho cũng ở cùng thôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên cờ bạc, nợ nần nhiều ngoài xã hội. Có lần, họ đến tận nhà tôi để đòi tiền anh T phải đi trốn nợ. Việc anh T nợ nần nhiều bị dân xã hội đến đòi nợ, đe dọa gia đình ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của mẹ con tôi. Ngoài ra, anh T hay chơi bời, không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu say xỉn. Mỗi lần uống say về là anh lại đánh đập vợ con vô cớ. Anh vớ được vật gì cũng dùng để đánh vợ con. Có lần anh dùng dao, lần đâm xẻo vào giẻ buộc ở đầu gây rồi xông vào phòng ngủ của tôi dọa đốt cháy tôi. May mắn là do anh say nên điều khiển hành vi không được bình thường nên tôi đều chạy thoát được. Anh T đánh mẹ con tôi rất nhiều lần nhưng chưa lần nào phải nhập viện. Các con tôi đều sợ bố vì tính tình hung hãn khi say. Tuy nhiên khi tỉnh rượu, anh lại xin lỗi mẹ con tôi và hứa sẽ thay đổi tính tình, tu chí làm ăn. Nhưng khi anh uống rượu say vẫn là chứng nào tật ấy lại chửi bới, đánh đuổi vợ con không thay đổi được tính nết. Tôi đã tha thứ cho anh rất nhiều lần để anh thay đổi tính nết cùng nhau làm ăn xây dựng gia đình hạnh phúc, cho con cái có bố có mẹ nhưng anh không thể thay đổi được nên tôi không thể cam chịu được nữa phải cương quyết ly hôn. Trước năm 2020, vợ chồng tôi còn làm chung với nhau thì kinh tế gia đình ổn định. Nhưng từ sau năm 2020, tôi làm may còn anh T làm nghề tự do tôi không quản lý được thì anh không tự giác đóng góp gì. Mọi chi phí sinh hoạt chi tiêu trong gia đình đều một tay tôi lo cả. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 5 năm 2023, vợ chồng tôi ly thân không quan hệ gì với nhau nữa. Tôi cùng 02 con chuyển về nhà ngoại sống ở thôn Đ, xã Đ. Trong thời gian ly thân, tháng 9 năm 2023 anh T có đến gặp tôi để xin lỗi tôi và hứa sẽ sửa chữa và viết giấy cam kết với tôi là sẽ không bao giờ đánh vợ con nữa nếu sai, anh tự chịu trách nhiệm. Anh T còn quỳ lạy tôi van xin tôi về đoàn tụ. Tôi mỉm lòng, thấy anh T thực sự biết sai và có thiện chí sửa chữa lỗi lầm nên cho anh T cơ hội và cùng anh T tiếp tục chung sống với nhau. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng chỉ yên ổn được vài tháng thì đến tháng 3 năm 2024, anh T lại say xỉn suốt ngày, có hôm cả nhà đang ăn cơm thì anh T về hất bát cơm đi không cho con ăn. Có hôm thì đập phá xe máy không cho tôi đi. Tôi thấy quá sức chịu đựng của tôi nên đến tháng 6 năm 2024 tôi lại cùng 02 con về nhà mẹ đẻ sống. Vợ chồng tôi ly thân từ đó cho đến nay. Sau khi ly thân, vợ chồng tôi không ai còn hỏi han, quan tâm gì đến ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên tôi làm đơn xin ly hôn anh T để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Nguyễn Lan N, sinh ngày 23/11/2011 và Nguyễn Hải P, sinh ngày 04/8/2013. Hiện nay các cháu đang ở với tôi ở nhà bà ngoại tại thôn Đ, xã Đ.

Nếu được ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi cả 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng (tổng hai cháu là 4.000.000 đồng mỗi tháng) kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Lý do: Từ sau năm 2020, vợ chồng tách ra làm riêng thì anh T không quan tâm gì đến mẹ con tôi, một mình tôi lo liệu mọi thứ trong gia đình và lo cho các con cho đến nay nên tôi thấy anh T không làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ của người bố; Ngoài ra anh T còn có nhiều tính xấu, say vào là lại đánh người vô cớ nên nếu để các con tôi sống chung với anh T thì sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống tinh thần của các cháu.

Về điều kiện nuôi con chung: Hiện nay tôi đang làm may tại Công ty may Thuận Tín ở Trán Voi, xã P với thu nhập trung bình mỗi tháng là 6.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra khi tôi gặp khó khăn hay việc đưa đón con đi học có ông bà ngoại giúp đỡ nên đủ điều kiện nuôi hai con.

Về tài sản chung, công sức chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không.

** Tại các bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Tôi và chị Bùi Thị L kết hôn ngày 22/11/2010 và đã đăng ký kết hôn tại UBND Đ. Chúng tôi tự tìm hiểu khoảng vài tháng. Sau khi tìm hiểu chúng tôi thấy hợp nhau nên quyết định tiến tới hôn nhân. Cưới xong vợ chồng tôi chung sống với nhau luôn tại nhà chồng ở thôn Đ. Sau 01 năm, vợ chồng tôi chuyển ra ở riêng trên nhà đất bố mẹ chồng cho cùng thôn.

Từ khi kết hôn cho đến năm 2023, vợ chồng tôi chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Vợ chồng tôi đều làm nghề tự do, đa số thời gian là làm phụ hồ, kinh tế gia đình không khá giả gì nên tôi bị áp lực cuộc sống. Năm 2023 có một lần tôi uống rượu say không kiểm soát được nên chửi vợ con. Sau khi tỉnh rượu tôi có xin lỗi chị L. Chị L đã tha thứ cho tôi và vợ chồng tôi vẫn tiếp tục chung sống với nhau,

không phát sinh thêm mâu thuẫn gì. Đến tháng 6 năm 2024 tôi tiếp tục phạm sai lầm đi uống say đến đêm mới về và chửi vợ con. Hôm sau tôi đã thấy chị L và các con bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân, do bận công việc, tôi mới xin việc làm công nhân tại Công ty Khánh Sinh tại xã P nên chưa có thời gian gặp vợ con để xin lỗi về hành vi sai trái của mình. Tuy nhiên đến khi tôi thu xếp được thời gian đến gặp chị L để xin lỗi và mong chị cho tôi cơ hội để sửa sai lầm thì chị L nhất quyết không đồng ý quay về cùng tôi và bảo tôi là chị đã làm đơn ly hôn tôi đến Tòa án nhân dân huyện Q rồi.

Đến nay vợ chồng tôi vẫn chưa có cơ hội để hòa giải mâu thuẫn, chị L có đơn xin ly hôn tôi. Tôi xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên có nguyện vọng được đoàn tụ cho con cái có bố có mẹ và để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Trường hợp chị L vẫn cương quyết xin ly hôn tôi thì tôi vẫn có nguyện vọng được đoàn tụ với chị L. Tôi thật lòng xin lỗi chị L, cho tôi thêm một cơ hội lần nữa nữa để tôi sửa chữa sai lầm, nếu tôi có vi phạm hay có hành vi nào gây ảnh hưởng tới vợ con thì tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Nguyễn Lan N, sinh ngày 23/11/2011 và Nguyễn Hải P, sinh ngày 04/8/2013. Hiện nay các cháu đang ở với chị L ở nhà bà ngoại tại thôn Đ, xã Đ.

Nếu ly hôn, tôi có nguyện vọng các cháu muốn ở với ai là quyền của các cháu, tôi không ép buộc các cháu phải ở với tôi hay phải ở với chị L.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trường hợp cả hai cháu chọn ở với tôi thì tôi yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng (Tổng hai cháu là 4.000.000 đồng mỗi tháng) kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Trường hợp cả hai cháu chọn ở với chị L thì tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng (tổng hai cháu là 4.000.000 đồng mỗi tháng) kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Trường hợp một cháu chọn ở với tôi, một cháu chọn ở với chị L thì không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về điều kiện nuôi con chung: Hiện nay tôi đang làm may tại Công ty TNHH Quốc tế Khánh Sinh tại xã P với thu nhập trung bình mỗi tháng từ 10 - 12.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công sức chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không.

** Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh T và được nuôi cả hai con chung. Anh T đóng góp nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/ tháng. Về tài sản chung, công sức nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn xét thấy tình cảm vẫn còn và đề nghị được đoàn tụ. Nếu trường hợp phải ly hôn giữ nguyên quan điểm ban đầu tùy theo nguyện vọng của hai con muốn ở với ai cũng được. Nếu hai cháu ở với anh thì chị L đóng góp nuôi mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Nếu mỗi người nuôi một cháu thì không bên nào phải đóng góp nuôi con cho bên nào. Nếu chị L nuôi hai cháu anh đóng góp nuôi mỗi cháu 2.000 000 đồng/tháng. Về tài sản chung, công sức chung, nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng:

Việc thực hiện tố tụng của Tòa án: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận đơn ly hôn của chị L xin ly hôn anh T để giải phóng cho cả hai người.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Lan N, sinh ngày 23/11/2011 và Nguyễn Hải P, sinh ngày 04/8/2013. Hiện cả hai cháu đang ở với chị L. Nếu ly hôn, đề nghị HĐXX căn cứ vào nguyện vọng, điều kiện, hoàn cảnh sống của các bên giao cả hai cháu cho chị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng (Tổng hai cháu là 4.000.000 đồng mỗi tháng) kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

+ Về tài sản chung, công sức: Chị L và anh T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị L và anh T đều xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị L chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T có HKTT và nơi ở tại thôn Đ, xã Đ, huyện Q nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q. .

[2] Về nội dung: Theo lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong vụ án, HĐXX có đủ căn cứ để xác định:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện và đã đăng ký kết hôn ngày 22/11/2010 tại UBND xã Đ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. do anh T ít quan tâm và thiếu trách nhiệm với vợ con; Thỉnh thoảng anh say rượu lại về đánh chửi vợ con. Không những say rượu anh T còn chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình. Tháng 5 năm 2023 chị L và anh T sống ly thân. Sau khi ly thân, anh T nhận thấy sai lầm của bản thân, đã xin lỗi chị L và hứa sẽ sửa đổi nên vợ chồng về đoàn tụ được một thời gian thì đến tháng 6 năm 2024 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn và ly thân. Lý do là vì anh T vẫn không thay đổi được tính tình. Vì vậy, chị L xét thấy không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình nên chị cương quyết làm đơn xin ly hôn anh T. Còn anh T thấy vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên có nguyện vọng được đoàn tụ. HĐXX xét thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng dẫn đến cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại và kéo dài nên căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn anh T của chị L.

[2.2]. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Nguyễn Lan N, sinh ngày 23/11/2011 và Nguyễn Hải P, sinh ngày 04/8/2013.

Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị L.

Khi ly hôn chị L xin được nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, còn anh T mong muốn để cho các cháu tự lựa chọn muốn sống với ai và người còn lại phải cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy hiện cả 02 cháu đều đang sống và đều có nguyện vọng sống với chị L. Anh T thỉnh thoảng uống rượu say không làm chủ được hành vi lại quậy phá, chửi bới vợ con làm ảnh hưởng đến tâm lý các cháu nên chấp nhận yêu cầu được nuôi cả 02 con chung của chị L cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có Quyết định thay đổi khác. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của hai bên anh T đóng góp nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng (Tổng hai cháu là 4.000.000 đồng mỗi tháng) kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

[2.3] Về tài sản chung, công sức: Chị L và anh T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị L và anh T đều xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị L chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị L đối với anh Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân:

Xử: Chị **Bùi Thị L** ly hôn anh **Nguyễn Văn T**.

2. Về con chung:

Chị L và anh T có 02 con chung là Nguyễn Lan N, sinh ngày 23/11/2011 và Nguyễn Hải P, sinh ngày 04/8/2013.

Giao chị L quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi các con chung 2.000.000 đồng/tháng/cháu. Tổng 02 cháu là 4.000.000 đồng/tháng (*bốn triệu đồng mỗi tháng*) kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công sức chung:

Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung:

Không có nên không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020081 ngày 12/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Thanh